

Khởi kiện vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 : Luận văn ThS. Luật: 60 38 30 / Nguyễn Thù Hương ; Nghd. : TS. Bùi Thị Huyền

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang
<i>Trang phụ bìa</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KHỞI KIỆN VỤ ÁN DÂN SỰ	5
1.1. Khái niệm và ý nghĩa của khởi kiện vụ án dân sự	5
1.1.1. Khái niệm khởi kiện vụ án dân sự	5
1.1.1.1. Khái niệm vụ án dân sự	5
1.1.1.2. Khái niệm quyền khởi kiện và khởi kiện vụ án dân sự	7
1.1.2. Ý nghĩa của việc khởi kiện vụ án dân sự	10
1.2. Cơ sở của khởi kiện vụ án dân sự	13
1.3. Mối quan hệ giữa quyền khởi kiện của công dân và trách nhiệm bảo đảm quyền khởi kiện của Tòa án và các cơ quan, tổ chức có liên quan	16
1.4. Lược sử hình thành và phát triển của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về khởi kiện vụ án dân sự	18
1.4.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1960	18
1.4.2. Từ năm 1960 đến năm 1989	20
1.4.3. Giai đoạn từ năm 1989 đến năm 2003	21
1.4.4. Giai đoạn từ năm 2004 đến nay	22
1.5. Khái quát về khởi kiện vụ việc dân sự theo pháp luật tố tụng	24

dân sự một số nước	
Chương 2: KHỞI KIỆN VỤ ÁN DÂN SỰ THEO PHÁP LUẬT TỐ TỤNG VIỆT NAM HIỆN HÀNH VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG	29
2.1. Điều kiện về nội dung khởi kiện vụ án dân sự	29
2.1.1. Điều kiện về chủ thể khởi kiện	29
2.1.2. Điều kiện về thẩm quyền của tòa án	35
2.1.3. Điều kiện về hòa giải tiền tố tụng	41
2.1.4. Sự việc chưa được Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết bằng một bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật	44
2.1.5. Điều kiện về thời hiệu khởi kiện	46
2.1.6. Điều kiện do pháp luật nội dung quy định	49
2.2. Điều kiện về hình thức đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ gửi kèm theo đơn khởi kiện	50
2.3. Phạm vi khởi kiện vụ án dân sự	56
2.4. Gửi đơn khởi kiện đến Tòa án và thủ tục nhận đơn khởi kiện	58
2.4.1. Yêu cầu đương sự sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện	59
2.4.2. Trả lại đơn khởi kiện vụ án dân sự	60
2.4.3. Chuyển đơn khởi kiện vụ án dân sự	65
2.4.4. Tiến hành thủ tục thụ lý vụ án dân sự	66
Chương 3: THỰC TIỄN THỰC HIỆN VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ KHỞI KIỆN VỤ ÁN DÂN SỰ	69
3.1. Thực tiễn thực hiện pháp luật về khởi kiện vụ án dân sự	69
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về khởi kiện vụ án dân sự	79
3.2.1. Về lập pháp	80
3.2.2. Về hướng dẫn thi hành pháp luật	81
3.2.3. Về thi hành pháp luật	83
3.2.4. Các giải pháp khác	86

KẾT LUẬN	88
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	90

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 15/6/2004 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2005. BLTTDS được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát triển của ba Pháp lệnh trước đó, bao gồm: Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự năm 1989 (PLTTGQCVADS); Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế năm 1994 (PLTTGQCVAKT); Pháp lệnh thủ tục giải quyết các tranh chấp lao động năm 1996 (PLTTGQCTCLĐ). Đây là văn bản pháp luật quy định đầy đủ và có hệ thống các vấn đề về tố tụng dân sự (TTDS) như các nguyên tắc cơ bản trong TTDS; quyền và nghĩa vụ tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng; thẩm quyền của Tòa án nhân dân (TAND); trình tự, thủ tục khởi kiện và thụ lý các vụ việc dân sự... Trong quá trình triển khai, áp dụng BLTTDS, Tòa án các cấp đã có rất nhiều nỗ lực trong việc áp dụng các quy định pháp luật nói chung và quy định về khởi kiện vụ án dân sự (VADS) nói riêng. Tuy nhiên, trong thực tiễn giải quyết các VADS vẫn còn gặp nhiều vướng mắc, bất cập và có nhiều ý kiến khác nhau trong việc thực hiện các quy định này và chưa được các cơ quan có thẩm quyền giải thích một cách đầy đủ và thống nhất. Chính vì vậy, tại Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị "về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới"; Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị "về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 định hướng 2020" đều nhấn mạnh việc hoàn thiện pháp luật tố tụng, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và hoàn thiện tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp, trọng tâm là xây dựng và hoàn thiện tổ chức và hoạt động của TAND, bảo đảm các hoạt động tố tụng phải thực sự dân chủ, nghiêm minh, bảo đảm các quyền cơ bản của công dân.

Xuất phát từ những lý do trên đây, tôi đã lựa chọn đề tài "*Khởi kiện vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004*" làm đề tài nghiên cứu của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Sau khi BLTTDS được ban hành đã có một số công trình nghiên cứu khoa học pháp lý về vấn đề khởi kiện VADS nhưng các công trình này chỉ nghiên

cứu về các điều kiện khởi kiện trong mối quan hệ với vấn đề thụ lý VADS hoặc đi sâu nghiên cứu về quyền khởi kiện và các đảm bảo quyền khởi kiện như luận văn thạc sĩ luật học "*Thụ lý vụ án dân sự - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*" của tác giả Liễu Thị Hạnh (Trường Đại học Luật Hà Nội, 2010); luận văn thạc sĩ luật học "*Quyền khởi kiện và bảo đảm quyền khởi kiện trong tố tụng dân sự Việt Nam*" của tác giả Trần Đức Thành (Trường Đại học Luật Hà Nội, 2011)... Ngoài ra còn có một số bài viết trên các tạp chí chuyên ngành về một nội dung nhất định của khởi kiện VADS như bài viết "*Vấn đề khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự*" của tác giả Lê Thị Bích Lan đăng trên Tạp chí Luật học năm 2005 số đặc san về BLTTDS; bài viết "*Bàn về điều kiện khởi kiện của các tổ chức tín dụng có tài sản thế chấp bảo đảm tiền vay*" của tác giả Trịnh Huy Tân (Tạp chí Kiểm sát, số 9/2008); "*Bàn về quyền khởi kiện của người đại diện hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự*" của tác giả Tào Thị Huệ (Tạp chí TAND, số 5/2010); "*Quyền khởi kiện và việc xác định tư cách tham gia tố tụng*" của tác giả Trần Anh Tuấn (Tạp chí TAND, số 23/2008)... Tuy nhiên, mỗi công trình nghiên cứu nhìn nhận, giải quyết vấn đề này ở một góc độ khác nhau và cho đến nay vẫn chưa có một công trình nào nghiên cứu chuyên sâu và riêng biệt về vấn đề khởi kiện VADS, đặc biệt theo quy định của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của BLTTDS năm 2004 vừa được Quốc hội thông qua ngày 29/3/2011.

3. Mục đích và phạm vi nghiên cứu đề tài

Mục đích nghiên cứu của luận văn là làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về khởi kiện VADS tại Tòa án, nêu và phân tích những vướng mắc, bất cập trong quá trình áp dụng các quy định của pháp luật hiện hành về khởi kiện VADS, đồng thời mạnh dạn đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về chế định này.

Nội dung nghiên cứu đề tài tập trung vào việc giải quyết nhiều vấn đề khác nhau của khởi kiện VADS như khái niệm VADS, khái niệm khởi kiện VADS, điều kiện khởi kiện VADS, trình tự, thủ tục nhận đơn khởi kiện và một số vấn đề khác có liên quan đến khởi kiện VADS. Trong khuôn khổ một luận văn thạc sĩ luật học, tác giả tập trung nghiên cứu một số vấn đề cơ bản nhất về khởi kiện VADS như khái niệm khởi kiện VADS, ý nghĩa của khởi kiện VADS, các quy

định của BLTTDS về khởi kiện VADS, thực tiễn thực hiện và phương hướng hoàn thiện pháp luật về khởi kiện VADS.

4. Phương pháp nghiên cứu

Khi tiếp cận vấn đề nghiên cứu, luận văn dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong qua trình đổi mới, xây dựng đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa và vấn đề cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền.

Phương pháp nghiên cứu của luận văn là đi từ lý luận đến thực tiễn, dùng thực tiễn kiểm chứng lý luận. Các phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành như phương pháp lịch sử, phân tích, so sánh, chứng minh, tổng hợp và phương pháp thống kê cũng được sử dụng để hoàn thành luận văn.

5. Ý nghĩa của việc nghiên cứu đề tài

Ngoài ý nghĩa là một công trình nghiên cứu riêng của bản thân về khởi kiện VADS để hoàn thành chương trình học tập và báo cáo tốt nghiệp lớp Cao học Luật dân sự khóa XIV của Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, việc nghiên cứu đề tài còn có ý nghĩa đi sâu phân tích khái niệm, ý nghĩa và cơ sở của khởi kiện VADS, điều kiện khởi kiện VADS, kết hợp với việc nghiên cứu, so sánh pháp luật về khởi kiện VADS của một số nước trên thế giới để từ đó đưa ra những đề xuất, kiến nghị nhằm mục đích xây dựng và hoàn thiện pháp luật.

Kết quả nghiên cứu góp phần hoàn thiện hệ thống lý luận về khởi kiện VADS trong pháp luật TTDS hiện hành. Bên cạnh đó, luận văn còn đi sâu phân tích những hạn chế, bất cập của pháp luật TTDS hiện hành về khởi kiện VADS và đề xuất hướng hoàn thiện pháp luật TTDS về khởi kiện VADS.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về khởi kiện vụ án dân sự.

Chương 2: Khởi kiện vụ án dân sự theo pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam hiện hành.

Chương 3: Thực tiễn thực hiện và phương hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam về khởi kiện vụ án dân sự.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KHỞI KIẾN VỤ ÁN DÂN SỰ

1.1. Khái niệm và ý nghĩa của khởi kiện vụ án dân sự

1.1.1. Khái niệm khởi kiện vụ án dân sự

1.1.1.1. Khái niệm vụ án dân sự

Vụ án dân sự là các tranh chấp giữa các cá nhân, cơ quan, tổ chức về quyền và nghĩa vụ phát sinh từ quan hệ pháp luật dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động được đưa ra Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật TTDS.

1.1.1.2. Khái niệm quyền khởi kiện và khởi kiện vụ án dân sự

Quyền khởi kiện của tổ chức, cá nhân đã được pháp luật ghi nhận và chủ thể cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm có quyền khởi kiện yêu cầu cơ quan có thẩm quyền do Nhà nước quy định bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Điều 9 Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2005 quy định, tất cả các quyền dân sự của cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Khi quyền dân sự của một chủ thể bị xâm phạm thì chủ thể đó có quyền tự bảo vệ hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền: Công nhận quyền dân sự của mình; buộc chấm dứt hành vi vi phạm; buộc xin lỗi, cải chính công khai; buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự; buộc bồi thường thiệt hại. Như vậy, quyền khởi kiện trước hết là một quyền dân sự.

Theo quy định của pháp luật Việt Nam các đương sự hoàn toàn tự do lựa chọn các biện pháp để bảo vệ quyền lợi của mình. Nhà nước chính thức xác nhận quyền khởi kiện VADS của các cá nhân, cơ quan, tổ chức yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Pháp luật cũng ghi nhận các chủ thể khác như Hội liên hiệp phụ nữ, tổ chức công đoàn... có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích của người khác. Việc thực hiện quyền này của các chủ thể được gọi là khởi kiện vụ án dân sự. Theo nghĩa hẹp, khởi kiện được hiểu là việc nguyên đơn hoặc người đại diện của nguyên đơn, cơ quan, tổ chức gửi đơn yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết VADS để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, của người khác hay bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước. Theo nghĩa rộng, khởi kiện còn bao gồm cả việc bị đơn đưa ra yêu

cầu phản tố, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đưa ra yêu cầu độc lập, bởi yêu cầu phản tố chính là việc bị đơn kiện ngược lại nguyên đơn về một quan hệ pháp luật khác với quan hệ pháp luật mà nguyên đơn đã kiện bị đơn và yêu cầu độc lập chính là việc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kiện nguyên đơn và bị đơn để bảo vệ lợi ích của mình. Luận văn nghiên cứu về khởi kiện theo nghĩa rộng.

Như vậy, theo pháp luật Việt Nam, *khởi kiện vụ án dân sự là việc cá nhân, cơ quan, tổ chức hoặc các chủ thể khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nộp đơn yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, của người khác hay bảo vệ lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước.*

1.1.2. Ý nghĩa của việc khởi kiện vụ án dân sự

Khởi kiện là phương thức bảo vệ kịp thời quyền, lợi ích dân sự trên cơ sở quyền tự định đoạt của các chủ thể. Theo đó, khởi kiện là phương thức để các chủ thể có thể hành động ngay tức khắc để tự bảo vệ các quyền dân sự của mình, tránh nguy cơ bị xâm phạm như đòi bồi thường thiệt hại về tài sản, sức khỏe, khởi kiện yêu cầu thực hiện đúng hợp đồng, khởi kiện để yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền dân sự.

Khởi kiện vụ án dân sự là hành vi đầu tiên của cá nhân, pháp nhân và các chủ thể khác tham gia vào quan hệ pháp luật tố tụng dân sự, là cơ sở pháp lý làm phát sinh quan hệ pháp luật tố tụng dân sự. Không có hoạt động khởi kiện thì cũng không có quá trình tố tụng dân sự cho các giai đoạn tiếp theo. Tòa chỉ thụ lý giải quyết vụ án dân sự khi có đơn khởi kiện của các chủ thể đáp ứng đủ các điều kiện do pháp luật quy định.

Khởi kiện vụ án dân sự là cơ sở, tiền đề để Tòa án nhân danh nhà nước giải quyết các vụ án dân sự. Các phán quyết của Tòa án buộc các cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan tôn trọng và triệt để thi hành nên việc thực hiện quyền khởi kiện sẽ bảo đảm cho việc bảo vệ có hiệu quả quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể.

Khởi kiện vụ án dân sự còn là cơ sở để Tòa án tính thời hiệu khởi kiện của chủ thể còn hay đã hết. Quyền khởi kiện mặc dù là một quyền dân sự được pháp luật ghi nhận và đảm bảo thực hiện cho cá nhân, cơ quan, tổ chức nhưng không phải họ có quyền thực hiện quyền này bất kỳ khi nào. Đối với mỗi loại tranh chấp, pháp luật quy định cụ thể thời hiệu khởi kiện mà hết khoảng thời gian đó,

chủ thể không thực hiện quyền thì sẽ bị hết thời hiệu khởi kiện. Với mốc thời gian chủ thể nộp đơn khởi kiện, Tòa án sẽ có căn cứ để xác định việc khởi kiện đó có đảm bảo về thời hiệu khởi kiện hay không.

Việc ghi nhận quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể và sự bảo đảm của Nhà nước trong việc thực hiện quyền khởi kiện góp phần nâng cao ý thức pháp luật của người dân. Thông qua các quy định của pháp luật về quyền khởi kiện và khởi kiện VADS sẽ góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của các chủ thể tham gia quan hệ dân sự, hôn nhân gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động đồng thời có ý nghĩa răn đe, ngăn chặn các hành vi xâm phạm quyền lợi của các chủ thể, đảm bảo sự ổn định của các quan hệ xã hội.

1.2. Cơ sở của khởi kiện vụ án dân sự

Để khởi kiện VADS, người khởi kiện phải chứng minh giữa nguyên đơn và người bị kiện trước đó đã tồn tại một quan hệ pháp luật dân sự mà theo quan hệ pháp luật này nguyên đơn bị ảnh hưởng, xâm phạm về quyền và lợi ích. Việc chứng minh được thể hiện ở chỗ người khởi kiện phải xuất trình cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh giữa nguyên đơn và bị đơn đã tồn tại một quan hệ pháp luật dân sự thuộc thẩm quyền về dân sự của Tòa án.

Người khởi kiện không những có quyền, lợi ích bị xâm phạm hay tranh chấp mà họ còn phải có tư cách pháp lý. Tư cách pháp lý cho phép người khởi kiện đứng đơn khởi kiện. Thông thường người khởi kiện chính là nguyên đơn - người có quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm hay tranh chấp, nếu họ là người có đủ năng lực hành vi TTDS. Năng lực hành vi tố tụng dân sự của đương sự là khả năng bằng hành vi của mình thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự. Năng lực hành vi tố tụng dân sự của đương sự là cá nhân được xác định bởi khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của họ và bởi tính chất, yêu cầu của việc tham gia quan hệ pháp luật tố tụng dân sự. Thông thường cá nhân chỉ được coi là có năng lực hành vi tố tụng dân sự khi đã từ đủ mười tám tuổi trở lên, không bị mất năng lực hành vi dân sự. Đối với những người chưa đủ mười tám tuổi, bị mất năng lực hành vi dân sự thì không có năng lực hành vi tố tụng dân sự, việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự này trước toà án phải do người đại diện hợp pháp của họ thực hiện. Tuy vậy, thực tiễn xét xử của các toà án và pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam cũng có quy định trường hợp

ngoại lệ như trường hợp người vợ từ đủ mười bảy tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi trong việc ly hôn hoặc trong trường hợp đương sự là người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi đã tham gia lao động theo hợp đồng lao động hoặc giao dịch dân sự bằng tài sản của mình (Điều 57 BLTTDS).

Ngoài ra yêu cầu, vụ việc được khởi kiện chưa được giải quyết bằng một bản án hay quyết định của Tòa án hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật, trừ các trường hợp đặc biệt; việc khởi kiện của các chủ thể phải được thực hiện đúng thẩm quyền xét xử về dân sự của Tòa án; đối với một số loại việc trước khi khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết người khởi kiện, yêu cầu phải yêu cầu các cơ quan, liên quan, xem xét, giải quyết trước; thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu còn và tuân thủ các yêu cầu về hình thức khởi kiện.

1.3. Mối quan hệ giữa quyền khởi kiện của công dân và trách nhiệm bảo đảm quyền khởi kiện của Tòa án và các cơ quan, tổ chức có liên quan

Theo qui định của Hiến pháp, Nhà nước bảo vệ tất cả các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Mỗi khi các quyền và lợi ích bị xâm hại, các công dân đều có quyền yêu cầu nhà nước bảo vệ. Khởi kiện tại Tòa án là một trong những phương thức yêu cầu nhà nước bảo vệ quyền dân sự mang tính khả thi cao và được nhiều người lựa chọn. Theo quy định tại Điều 161 BLTTDS, cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền khởi kiện vụ án tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp mỗi khi bị xâm hại hoặc có tranh chấp.

Tòa án nhân dân là cơ quan được giao nhiệm vụ giải quyết và xét xử các VADS, là nơi công dân thực hiện quyền khởi kiện trên thực tế theo các quy định của pháp luật. Pháp luật quy định quyền khởi kiện của công dân nhưng để quyền này thực sự có ý nghĩa và được bảo đảm thực thi thì phải tạo điều kiện cho họ thực hiện tốt quyền này tại Tòa án. Tòa án, với chức năng nhiệm vụ được giao, sẽ phải bố trí con người, thời gian và địa điểm để tiếp nhận đơn, hồ sơ khởi kiện của công dân, niêm yết các thủ tục khởi kiện đầy đủ, rõ ràng, hướng dẫn cụ thể, nhiệt tình, có trách nhiệm cho công dân khi họ đến liên hệ khởi kiện VADS.

Pháp luật Việt Nam ghi nhận và bảo đảm cho cá nhân, tổ chức được thực hiện quyền khởi kiện VADS yêu cầu Tòa án bảo vệ khi quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm. Tòa án có trách nhiệm xem xét thụ lý giải quyết hồ sơ khởi kiện của công dân.

1.4. Lược sử hình thành và phát triển của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về khởi kiện vụ án dân sự

1.4.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1960

Cách mạng tháng Tám thành công đã mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử phát triển đất nước. Từ đó, bộ máy nhà nước cách mạng cũng được khẩn trương xây dựng.

Ngày 13/09/1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 33C/SL về việc thành lập các Tòa án quân sự cơ quan xét xử của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, Sắc lệnh số 13/SL ngày 24/01/1946 quy định về tổ chức các Tòa án và các ngạch thẩm phán trong nước Việt Nam dân chủ cộng hoà chỉ rõ ngoài các việc hình Tòa án còn giải quyết các việc về dân sự và thương sự (Điều 17).

Ngày 10/10/1945 Nhà nước đã ban hành sắc lệnh số 47/SL cho phép áp dụng luật lệ cũ để xét xử nhưng "không trái với nguyên tắc độc lập của nước Việt Nam và chính thể cộng hoà" trong đó có Điều 11 quy định về thủ tục tố tụng cho giữ tạm thời thủ tục tố tụng của chế độ cũ. Trong điều kiện đất nước còn non trẻ, chưa thể ban hành tất cả văn bản điều chỉnh mọi lĩnh vực, việc áp dụng luật lệ cũ là cần thiết với thời điểm lúc bấy giờ.

Ngày 17/4/1946 Nhà nước ban hành Sắc lệnh số 51-SL có quy định về việc kiện, khởi tố và thụ lý vụ án tuy nhiên không quy định thụ lý như thế nào. Tiếp đó Sắc lệnh số 97/SL ngày 22/05/1950 được ban hành bãi bỏ việc áp dụng luật lệ của chế độ cũ; Sắc lệnh số 85-SL ngày 22/05/1950 cải cách bộ máy tư pháp và tố tụng, từ Điều 15 đến Điều 18 quy định về thủ tục tố tụng nhưng không có điều luật nào quy định về thủ tục khởi kiện vụ án dân sự. Từ năm 1945 đến năm 1954 không có văn bản pháp luật quy định riêng về thủ tục TTDS cũng như khởi kiện VADS.

Từ năm 1955 đến năm 1960 Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật tố tụng như Thông tư số 141/HCTP ngày 05/02/1957, Thông tư số 1607/HCTP ngày 24/08/1956 của Bộ Tư pháp và Thông tư số 69/TC ngày 31/12/1958 của Bộ Tư pháp và TANDTC sửa đổi thẩm quyền của các TAND... nhưng các văn bản pháp luật tố tụng này chủ yếu chỉ quy định về nguyên tắc giải quyết VADS mà chưa quy định cụ thể về khởi kiện VADS.

1.4.2. Từ năm 1960 đến năm 1989

Sau khi Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 và Luật tổ chức TAND năm 1960 ra đời đã có một khối lượng đáng kể các văn bản hướng dẫn thủ tục giải quyết các tranh chấp về dân sự, đặc biệt là thủ tục giải quyết ly hôn.

Trong giai đoạn này đáng chú ý nhất phải kể đến Thông tư số 39-NCPL ngày 21/01/1972 của TANDTC hướng dẫn việc thụ lý, di lý, xếp và tạm xếp những việc kiện về hôn nhân và gia đình, tranh chấp về dân sự.

Trong giai đoạn này các văn bản pháp luật quy định về TTDS và hướng dẫn về việc khởi kiện VADS rất ít. Tuy vậy, bước đầu các văn bản pháp luật TTDS được ban hành trong thời gian từ năm 1960 trở đi cũng đã có những quy định về khởi kiện VADS.

1.4.3. Giai đoạn từ năm 1989 đến năm 2003

Thời gian từ năm 1989 đến năm 2003 Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản pháp luật TTDS như: PLTTGQCVADS ngày 29/11/1989; PLTTGQCVAKT ngày 16/03/1994; PLTTGQCTCLĐ ngày 11/04/1996. Đây là những văn bản pháp luật quan trọng có ý nghĩa rất lớn về thủ tục giải quyết các VADS trong thời kỳ này. Đặc biệt vấn đề khởi kiện vụ án cũng đã được quy định trong các văn bản pháp luật này tạo cơ sở pháp lý cho quá trình giải quyết VADS.

Các văn bản pháp luật TTDS được ban hành trong thời gian này đã quy định về thủ tục khởi kiện VADS, vụ án kinh tế và vụ án lao động. Tuy nhiên các quy định còn mang tính chất chung chung, thiếu cụ thể, chưa quy định rõ thời hạn Toà án phải xem xét giải quyết đơn nên chưa đề cao được trách nhiệm của Toà án. Mặt khác, về bản chất, tranh chấp kinh tế, tranh chấp lao động đều bắt nguồn từ tranh chấp dân sự nhưng thủ tục giải quyết được quy định bởi ba pháp lệnh khác nhau, việc phân biệt thủ tục giải quyết đôi khi gặp phải không ít khó khăn và nhầm lẫn.

1.4.4. Giai đoạn từ năm 2004 đến nay

Ngày 15/6/2004 Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua BLTTDS gồm 36 chương với 418 điều. BLTTDS đã quy định thống nhất một thủ tục giải quyết các VADS, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động. Trong đó Chương 12 quy định về thủ tục khởi kiện VADS với 9 điều (từ Điều 161 đến Điều 170).

BLTTDS xác định rõ các chủ thể có quyền khởi kiện VADS, đồng thời không quy định quyền khởi tố VADS cho Viện kiểm sát nữa. Quy định này phù hợp vì nó thể hiện tốt các nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự, nguyên tắc thỏa thuận trong việc giải quyết các VADS. Về phạm vi khởi kiện nhiều người hoặc nhiều người khởi kiện một người về cùng một quan hệ pháp luật như quy định tại Điều 34 PLTTGQCVADS. Điều 163 BLTTDS quy định được giải quyết trong cùng một vụ án các trường hợp: cá nhân, cơ quan, tổ chức khởi kiện một hoặc nhiều cá nhân, cơ quan, tổ chức khác về một quan hệ pháp luật hay nhiều quan hệ pháp luật có liên quan; nhiều cá nhân, cơ quan, tổ chức có thể khởi kiện một cá nhân, cơ quan, tổ chức khác về cùng một quan hệ pháp luật hay nhiều quan hệ pháp luật có liên quan.

BLTTDS năm 2004 bổ sung thêm 3 trường hợp trả lại đơn khởi kiện là: người khởi kiện không nộp tiền tạm ứng án phí trong thời hạn pháp luật quy định; không bổ sung đơn theo yêu cầu của Toà án và chưa đủ điều kiện khởi kiện. Ngoài ra, BLTTDS còn quy định về quyền khiếu nại của người khởi kiện khi nhận lại đơn khởi kiện. BLTTDS đã làm thay đổi cơ bản các quy định về thủ tục TTDS nói chung và các quy định về khởi kiện VADS nói riêng, tạo nền tảng quan trọng để các Toà án giải quyết vụ án được nhanh chóng, kịp thời và chính xác.

TANDTC đã phối hợp với các cơ quan hữu xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn các quy định của BLTTDS nói chung và vấn đề khởi kiện VADS nói riêng.

1.5. Khái quát về khởi kiện vụ việc dân sự theo pháp luật tố tụng dân sự một số nước

Trên thế giới tồn tại hai hệ thống pháp luật chủ yếu là hệ thống luật án lệ (common law) và hệ thống pháp luật châu Âu lục địa (continental law hoặc civil law). Điểm khác biệt lớn nhất của hai hệ thống pháp luật này ở vai trò của Thẩm phán và các bên đương sự trong việc chứng minh sự việc. Song, về cơ bản pháp luật của các nước đều quy định việc khởi kiện của các cá nhân, cơ quan, tổ chức phải đáp ứng những điều kiện nhất định về nội dung và hình thức khởi kiện. Tác giả luận văn nghiên cứu việc khởi kiện vụ việc dân sự một số nước sau:

- Khởi kiện vụ việc dân sự theo pháp luật tố tụng dân sự của Cộng hòa Pháp
- Khởi kiện vụ việc dân sự theo pháp luật tố tụng dân sự của Liên bang Nga
- Khởi kiện vụ việc dân sự theo pháp luật tố tụng dân sự của Nhật Bản
- Khởi kiện vụ việc dân sự theo pháp luật tố tụng dân sự của Anh
- Khởi kiện vụ việc dân sự theo pháp luật tố tụng dân sự của Hoa Kỳ

Chương 2

KHỞI KIẾN VỤ ÁN DÂN SỰ

THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH

2.1. Điều kiện về nội dung khởi kiện vụ án dân sự

2.1.1. Điều kiện về chủ thể khởi kiện

Để có đủ điều kiện khởi kiện thì chủ thể phải có quyền khởi kiện và tư cách pháp lý. Chủ thể khởi kiện VADS bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức đáp ứng được các điều kiện do pháp luật quy định. Các chủ thể có quyền khởi kiện được quy định tại Điều 161 và Điều 162 BLTTDS.

Khởi kiện VADS hiểu theo nghĩa rộng bao gồm cả việc khởi kiện của nguyên đơn, việc đưa ra yêu cầu phân tố của bị đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong VADS.

Bên cạnh đó, BLTTDS cũng ghi nhận một số chủ thể có quyền khởi kiện vì lợi ích của người khác. Đó chính là quyền khởi kiện của các chủ thể không có quyền lợi trong vụ kiện hay quyền khởi kiện của đại diện đương sự.

2.1.2. Điều kiện về thẩm quyền của tòa án

Theo Điều 1 Luật Tổ chức TAND năm 2002 và Điều 1 BLTTDS thì Tòa án có thẩm quyền giải quyết các VADS, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động theo quy định của pháp luật TTDS. Thẩm quyền của TAND bao gồm thẩm quyền theo loại việc, thẩm quyền của Tòa án các cấp và thẩm quyền theo lãnh thổ. Thẩm quyền theo loại việc của Tòa án trong việc giải quyết các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động được quy định tại các điều 25, 27, 29 và 31 BLTTDS. Thẩm quyền của Tòa án các cấp được quy định tại các điều 33, 34 BLTTDS. Thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ được quy định tại Điều 35 và Điều 36 BLTTDS.

2.1.3. Điều kiện về hòa giải tiền tố tụng

Đối với những tranh chấp, pháp luật quy định phải yêu cầu các cơ quan khác giải quyết trước khi khởi kiện tại Tòa án thì chủ thể khởi kiện phải yêu cầu và được các cơ quan này giải quyết mà họ không đồng ý. Chẳng hạn như một số tranh chấp lao động cá nhân mà Hội đồng hoà giải lao động cơ sở hoặc hoà giải viên lao động hoà giải không thành hoặc không giải quyết trong thời hạn; tranh chấp lao động tập thể về quyền sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân

(UBND) cấp huyện đã giải quyết mà hai bên vẫn còn tranh chấp hoặc hết thời hạn theo quy định mà không giải quyết. Các tranh chấp về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 136 Luật Đất đai năm 2003 phải hoà giải tại UBND xã, phường, thị trấn trước khi khởi kiện ra Tòa án. Tại điểm a Mục 2 Công văn số 116/2004/KHXX ngày 22/7/2004 TANDTC đã hướng dẫn: "kể từ ngày 01/7/2004 trở đi, Tòa án chỉ thụ lý, giải quyết tranh chấp đất đai, nếu tranh chấp đất đai đã được hoà giải tại UBND cấp xã mà một bên hoặc các bên đương sự không nhất trí và khởi kiện đến Tòa án". Trong thực tiễn, việc thực hiện quy định này còn nhiều vướng mắc và vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau dẫn tới các kết quả giải quyết khác nhau.

2.1.4. Sự việc chưa được Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết bằng một bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật

Để đảm bảo việc thực hiện bản án, quyết định, điểm c khoản 1 Điều 168 BLTTDS quy định nếu VADS đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì các đương sự không được quyền khởi kiện nữa, trừ một số trường hợp sau: Vụ án ly hôn mà Tòa án đã có bản án bác đơn xin ly hôn; trường hợp bản án, quyết định về ly hôn có giải quyết quan hệ về con, mức cấp dưỡng; vụ án đòi tài sản cho thuê, cho mượn; đòi nhà cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ; trong các vụ án bồi thường thiệt hại. Ngoài ra, trường hợp Tòa án quyết định đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm c, e và g khoản 1 Điều 192 BLTTDS.

Tòa án chỉ được giải quyết những việc trước đó chưa được giải quyết bằng bản án, quyết định của Tòa án hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật. Điều kiện này nhằm đảm bảo hiệu lực của bản án, quyết định, sự ổn định của các quan hệ xã hội, một việc đã được giải quyết thì không giải quyết lại nữa để tránh tình trạng chồng chéo cùng một sự việc mà nhiều cơ quan giải quyết và tránh việc cố tình kéo dài việc khiếu kiện của đương sự, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

2.1.5. Điều kiện về thời hiệu khởi kiện

Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà các chủ thể có quyền khởi kiện được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết các tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động để bảo vệ quyền và lợi ích bị xâm phạm. Hết thời hạn đó thì chủ thể khởi kiện mất quyền khởi kiện, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đơn khởi kiện phải được gửi đến Toà án trong thời hiệu khởi kiện mới được Toà án xem xét thụ lý. Việc kiểm tra các điều kiện để thụ lý VADS là hết sức quan trọng ảnh hưởng đến các quyết định của Toà án và quyền lợi của các đương sự. Quy định thời hiệu khởi kiện góp phần quan trọng vào việc ổn định các quan kinh tế - xã hội, hạn chế việc lạm dụng quyền khởi kiện. Tuy thuộc vào tính chất của mỗi loại tranh chấp pháp luật quy định thời hiệu khởi kiện khác nhau.

Nếu pháp luật nội dung không quy định thì *"thời hiệu khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết các vụ án dân sự là 2 năm, kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước bị xâm phạm"* (khoản 3 Điều 159 BLTTDS). Theo hướng dẫn tại tiết a Tiểu mục 2.2. Mục 2 Phần IV nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 của Hội đồng thẩm phán TANDTC *"Thời điểm bắt đầu thời hiệu khởi kiện được tính kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, lợi ích công cộng, lợi ích của nhà nước bị xâm phạm"*.

2.1.6. Điều kiện do pháp luật nội dung quy định

Mỗi loại quan hệ xã hội khác nhau có tính chất khác nhau. Để giải quyết triệt để các mâu thuẫn phát sinh trong xã hội, pháp luật quy định đối với một số quan hệ pháp luật đặc thù cần phải đáp ứng một số điều kiện riêng biệt Toà án mới thụ lý giải quyết vụ án.

2.2. Điều kiện về hình thức đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ gửi kèm theo đơn khởi kiện

Đơn khởi kiện là cơ sở để Toà án xem xét thụ lý giải quyết vụ án nên khi nhận đơn khởi kiện Thẩm phán được phân công phải xem đơn đã đầy đủ nội dung chưa? Nội dung yêu cầu là gì, yêu cầu giải quyết như thế nào, để đối chiếu với các quy định về thẩm quyền của Toà án xác định có thuộc thẩm quyền hay không? Chủ thể khởi kiện có quyền khởi kiện, có năng lực hành vi TTDS không? Có còn thời hiệu khởi kiện không, có quyền lợi bị xâm phạm không? Các chứng cứ nộp đơn khởi kiện đã đầy đủ chưa?... Đơn khởi kiện phải rõ ràng, đầy đủ theo quy định tại Điều 164 BLTTDS gồm những nội dung cụ thể sau: Ngày, tháng, năm làm đơn khởi kiện; tên Toà án nhận đơn khởi kiện; tên địa chỉ của người khởi kiện; tên, địa chỉ của người có quyền và lợi ích cần được bảo vệ, nếu có; tên, địa chỉ của người bị kiện; tên, địa chỉ của

người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nếu có; họ, tên, địa chỉ của người làm chứng, nếu có. Đơn khởi kiện phải trình bày cụ thể nội dung tranh chấp, quyền và lợi ích bị xâm phạm; yêu cầu Toà án giải quyết đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về những vấn đề gì; các thông tin khác mà người khởi kiện xét thấy cần thiết cho việc giải quyết vụ án; tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp. Người khởi kiện là cá nhân phải ký tên hoặc điểm chỉ; nếu cơ quan, tổ chức khởi kiện thì đại diện hợp pháp của cơ quan tổ chức đó phải ký tên và đóng dấu vào phần cuối đơn. khi bị đơn thực hiện quyền yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đưa ra yêu cầu độc lập của mình thì cũng phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện về thời hiệu, thẩm quyền, chủ thể, điều kiện về hình thức, nội dung đơn phản tố, các điều kiện do pháp luật nội dung quy định... Trong đơn yêu cầu phản tố, đơn yêu cầu độc lập, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải ghi rõ các nội dung cơ bản cũng giống như nội dung của đơn khởi kiện được quy định tại Điều 164 BLTTDS.

2.3. Phạm vi khởi kiện vụ án dân sự

Phạm vi khởi kiện là những vấn đề đương sự có quyền khởi kiện trong cũng một VADS và được quy định tại Điều 163 BLTTDS. Cụ thể:

+ Cá nhân, cơ quan, tổ chức có thể khởi kiện một hoặc nhiều cá nhân, cơ quan, tổ chức khác về một quan hệ pháp luật hoặc nhiều quan hệ pháp luật có liên quan với nhau để giải quyết trong cùng một vụ án;

+ Nhiều cá nhân, cơ quan, tổ chức có thể cùng khởi kiện một cá nhân, một cơ quan, một tổ chức khác về một quan hệ pháp luật hoặc nhiều quan hệ pháp luật có liên quan với nhau để giải quyết trong cùng một vụ án;

+ Cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền do Bộ luật này quy định có thể khởi kiện đối với một hoặc nhiều cá nhân, cơ quan, tổ chức khác về một hoặc nhiều quan hệ pháp luật có liên quan với nhau để giải quyết trong cùng một vụ án.

Nghị quyết 02/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn được coi là nhiều quan hệ pháp luật có liên quan đến nhau để giải quyết trong cùng một vụ án khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Việc giải quyết quan hệ pháp luật này đòi hỏi phải giải quyết đồng thời quan hệ pháp luật khác.

+ Việc giải quyết các quan hệ pháp luật có cùng đương sự và về cùng loại tranh chấp quy định trong một điều luật tương ứng tại một trong các điều 25, 27, 29 và 31 của BLTTDS.

Sơ với các Pháp lệnh trước đây, quy định của BLTTDS về người khởi kiện có quyền khởi kiện nhiều quan hệ pháp luật có liên quan với nhau để giải quyết trong cùng một vụ án là quy định mới, có ý nghĩa vừa bảo đảm tôn trọng quyền tự định đoạt của đương sự, vừa để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án được đầy đủ, toàn diện, tránh phải thụ lý các yêu cầu khởi kiện có liên quan với nhau thành nhiều vụ án, kéo dài thời hạn giải quyết không cần thiết, gây khó khăn, tốn kém chi phí về thời gian, tiền bạc cho cả đương sự và Tòa án. Xuất phát từ nguyên tắc tôn trọng quyền tự do định đoạt của các đương sự, theo đó Tòa án chỉ thụ lý giải quyết các tranh chấp dân sự khi có đơn khởi kiện và cũng chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, người khởi kiện yêu cầu giải quyết quan hệ quan hệ pháp luật nào thì Tòa án giải quyết về quan hệ đó.

2.4. Gửi đơn khởi kiện đến Tòa án và thủ tục nhận đơn khởi kiện

Theo quy định tại Điều 166 BLTTDS, người khởi kiện vụ án gửi đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo đến tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án bằng các phương thức nộp trực tiếp tại tòa án và gửi đến Tòa án qua bưu điện. Ngày khởi kiện được tính từ ngày đương sự nộp đơn tại tòa án hoặc ngày có dấu bưu điện nơi gửi.

Sau khi nhận đơn khởi kiện, theo Điều 167 và 169 BLTTDS sẽ có các trường hợp sau đây.

2.4.1. Yêu cầu đương sự sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện

Nếu xét thấy đơn khởi kiện không đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 164 BLTTDS thì Tòa án thông báo cho người khởi kiện biết. Việc thông báo phải được lập thành văn bản và nêu rõ những nội dung còn thiếu trong đơn khởi kiện đồng thời yêu cầu họ sửa đổi bổ sung trong một thời hạn cụ thể nhưng không quá ba mươi ngày; trong trường hợp đặc biệt Tòa án có thể gia hạn nhưng không quá mười lăm ngày. Trong thông báo phải xác định rõ hậu quả của việc không sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện đúng thời hạn, thường là trả lại đơn, tài liệu khởi kiện và coi như không có việc khởi kiện. Thông báo được giao trực tiếp cho đương sự hoặc gửi qua đường bưu điện. Việc giao hoặc gửi này phải có

sổ theo dõi. Thời gian thực hiện việc sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện không được tính vào thời hiệu khởi kiện, ngày khởi kiện vẫn tính là ngày nộp đơn khởi kiện hoặc dấu bưu điện nơi gửi.

Trong trường hợp người khởi kiện đã sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo đúng quy định thì Tòa án tiếp tục thụ lý vụ án. Trong trường hợp nguyên đơn có quyền lựa chọn nhiều Tòa án giải quyết, Thẩm phán hướng dẫn cho nguyên đơn cam kết trong đơn khởi kiện chỉ khởi kiện ở Tòa án mà nguyên đơn đã lựa chọn không khởi kiện tại các Tòa án khác.

2.4.2. Trả lại đơn khởi kiện vụ án dân sự

Theo Điều 168 BLTTDS, khi trả lại đơn khởi kiện Tòa án phải có văn bản kèm theo ghi rõ lý do trả lại đơn khởi kiện. Tòa án có thể gửi đơn và toàn bộ tài liệu khởi kiện qua đường bưu điện hoặc báo cho người khởi kiện biết để họ trực tiếp đến Tòa án nhận lại đơn. Việc giao hoặc gửi thông báo phải có sổ theo dõi.

Những trường hợp Tòa án trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện quy định tại Điều 168 BLTTDS. Theo hướng dẫn tại Mục 7 Phần I Nghị quyết 02/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của HĐPTANDTC.

2.4.3. Chuyển đơn khởi kiện vụ án dân sự

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán TANDTC thì thủ tục chuyển đơn khởi kiện được thực hiện như thủ tục chuyển hồ sơ vụ án đã thụ lý quy định tại Điều 37 BLTTDS và Mục 6 Phần I Nghị quyết 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 của Hội đồng thẩm phán TANDTC. Như vậy, khi chuyển đơn và chứng cứ, tài liệu khởi kiện, Tòa án phải ra quyết định chuyển đơn cho Tòa án có thẩm quyền. Quyết định này phải được gửi ngay cho đương sự, cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan. Khi chuyển đơn khởi kiện Tòa án phải liệt kê danh mục tài liệu và đánh số thứ tự. Việc chuyển đơn khởi kiện phải được thông báo bằng văn bản cho người khởi kiện biết.

2.4.4. Tiến hành thủ tục thụ lý vụ án dân sự

Nếu xét thấy đơn khởi kiện đáp ứng đủ các điều kiện về nội dung và hình thức đơn khởi kiện thì Tòa án tiến hành thủ tục thụ lý VADS. Trong trường hợp này, Tòa án phải phân công một Thẩm phán giải quyết. Đối với TAND huyện thì Chánh án hoặc Phó Chánh án được ủy nhiệm phân công một thẩm phán xem xét

đơn khởi kiện. Đối với TAND cấp tỉnh thì Chánh án hoặc Phó Chánh án được uỷ nhiệm, Chánh toà hoặc Phó Chánh toà được Chánh án uỷ quyền phân công cho một Thẩm phán xem xét đơn khởi kiện.

Chương 3

THỰC TIỄN THỰC HIỆN VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ KHỞI KIẾN VỤ ÁN DÂN SỰ

3.1. Thực tiễn thực hiện pháp luật về khởi kiện vụ án dân sự

Sau hơn năm năm thi hành, BLTTDS đã góp phần quan trọng trong việc bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức. Theo Báo cáo tổng kết 5 năm thi hành BLTTDS của TANDTC thì TAND các cấp đã thụ lý và giải quyết một số lượng lớn các vụ việc dân sự, trong đó chủ yếu là các tranh chấp do đương sự khởi kiện. Cụ thể như sau:

+ Năm 2005, các Tòa án đã thụ lý, giải quyết 150.195 vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình; 1495 vụ việc về tranh chấp, yêu cầu về kinh doanh thương mại và yêu cầu tuyên bố phá sản; 1129 vụ việc về tranh chấp, yêu cầu về lao động.

+ Năm 2006, thụ lý, giải quyết 160.979 vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình; 2.866 vụ việc về tranh chấp, yêu cầu về kinh doanh thương mại và yêu cầu tuyên bố phá sản; 043 vụ việc về tranh chấp, yêu cầu về lao động.

+ Năm 2007, các Tòa án đã thụ lý, giải quyết 105.358 vụ việc dân sự; 77.561 vụ việc về hôn nhân gia đình; 4.798 vụ việc về tranh chấp, yêu cầu kinh doanh thương mại và yêu cầu tuyên bố phá sản; 1.275 vụ việc về tranh chấp, yêu cầu về lao động.

+ Năm 2008 thụ lý, giải quyết 100.539 vụ việc dân sự; 83.856 vụ việc về hôn nhân và gia đình; 6.034 vụ việc về tranh chấp, yêu cầu về kinh doanh thương mại và yêu cầu tuyên bố phá sản; 1.907 vụ việc về tranh chấp, yêu cầu về lao động.

+ Năm 2009, thụ lý giải quyết 214.174 vụ việc.

+ Năm 2010, Tòa án nhân dân các cấp đã thụ lý, giải quyết 180.022 vụ việc dân sự, theo thủ tục sơ thẩm.

Nhìn chung, các Tòa án thực hiện tương đối tốt các quy định của pháp luật về khởi kiện VADS, có nhiều biện pháp nhằm hỗ trợ bảo đảm cho các đương sự thực hiện quyền khởi kiện như niêm yết công khai thủ tục khởi kiện, phân công cán bộ có chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác tiếp nhận đơn khởi kiện và hướng dẫn cho đương sự về thủ tục khởi kiện, giải thích rõ các quyền, nghĩa vụ của các đương sự.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn thực hiện các quy định về khởi kiện trong BLTTDS cho thấy có những vướng mắc, bất cập cơ bản như sau:

- Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 29 BLTTDS.

- Về thời hiệu khởi kiện.

- Về căn cứ trả lại đơn khởi kiện tại điểm đ khoản 1 Điều 168 BLTTDS

- Về tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện

- Về phạm vi khởi kiện

- Về điều kiện hòa giải ở cơ sở

- Về quy định "Trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện, nếu việc đó không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án" tại khoản 3 Điều 167 BLTTDS.

- Về thủ tục nhận đơn khởi kiện

- Vướng mắc trong việc phân định thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai giữa Ủy ban nhân dân và Tòa án nhân dân dẫn đến việc đùn đẩy trách nhiệm thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của đương sự

- Vướng mắc trong việc xác định điều kiện khởi kiện đối với vụ án ly hôn có một bên đương sự ở nước ngoài sống lưu vong không có địa chỉ cụ thể

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về khởi kiện vụ án dân sự

Thực tiễn xét xử cho thấy, các quy định của pháp luật về khởi kiện VADS còn nhiều điểm khiếm khuyết, bất hợp lý đã gây khó khăn trong công tác giải quyết các VADS tại Tòa án cũng như không đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của công dân nên cần được xem xét sửa đổi, hoàn thiện một cách toàn diện và phải mang tính khả thi trong thực tiễn.

3.2.1. Về lập pháp

Trên cơ sở phân tích những quy định của pháp luật về khởi kiện VADS và một số vướng mắc, bất cập khi thực hiện các quy định này ở phần trên, chúng tôi khuyến nghị sửa đổi, bổ sung một số quy định của pháp luật về khởi kiện VADS như sau:

- Sửa đổi quy định về thẩm quyền giải quyết các tranh chấp kinh doanh thương mại của Tòa án tại khoản 1 Điều 29 BLTTDS.

- Sửa đổi quy định về điều kiện hòa giải tiền tố tụng

- Bổ sung quy định về căn cứ trả lại đơn khởi kiện tại khoản 1 Điều 168 BLTTDS

- Về hình thức văn bản trả lại đơn khởi kiện

3.2.2. Về hướng dẫn thi hành pháp luật

Từ thực tiễn áp dụng các quy định của BLTTDS về khởi kiện VADS cho thấy còn nhiều vướng mắc trong việc xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai, về hòa giải tranh chấp đất đai, về phạm vi khởi kiện, về thời hiệu khởi kiện... nên chúng tôi đề nghị Hội đồng thẩm phán TANDTC quan tâm hướng dẫn một số nội dung sau:

- Hướng dẫn cụ thể về thời điểm bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện

- Cần có hướng dẫn cụ thể cho phép một số trường hợp nhất định được giải quyết tranh chấp dân sự và yêu cầu dân sự trong cùng một VADS.

- Hướng dẫn cách giải quyết đối với trường hợp người khởi kiện xin ly hôn không cung cấp được địa chỉ của người bị kiện đang sống lưu vong, bất hợp pháp ở nước ngoài.

- Hướng dẫn về hòa giải tiền tố tụng đối với tranh chấp quyền sử dụng đất

3.2.3. Về thi hành pháp luật

- Nhóm giải pháp chung.

Thực tiễn giải quyết các VADS tại Tòa án cho thấy quyền khởi kiện của các chủ thể không được bảo đảm thực hiện trên thực tế xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Trước hết, là do sự hạn chế, bất cập, khiếm khuyết của các quy định pháp luật. Bên cạnh đó việc không bảo đảm quyền khởi kiện còn có căn nguyên từ sự thiếu hiểu biết của người dân về các quy định của pháp luật liên quan đến điều kiện khởi kiện chẳng hạn như các quy định về thời hiệu khởi kiện, về thẩm quyền giải quyết của tòa án... Nhiều trường hợp, người dân cứ nghĩ rằng mình có quyền khởi kiện bất cứ lúc nào, thậm chí khi bị Tòa án trả lại đơn khởi kiện do hết thời hiệu khởi kiện, đương sự làm đơn khiếu nại trình bày mình không biết thời hiệu khởi kiện là gì, quy định ở đâu... Chính vì sự thiếu hiểu biết này dẫn tới họ bị mất quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Do vậy, để khắc phục vấn đề này, cần phải tăng cường hơn nữa công tác

tuyên truyền, phổ biến pháp luật về điều kiện, thủ tục khởi kiện trong nhân dân, tăng cường hoạt động của các tổ chức trợ giúp pháp lý trong việc hỗ trợ người dân thực hiện quyền khởi kiện.

Việc tăng cường tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật nói chung và các quy định về khởi kiện VADS nói riêng giúp cho người dân ý thức được việc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình đồng thời nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc bảo đảm quyền khởi kiện của người dân.

- Nhóm giải pháp đối với các cơ quan hữu quan.

Quyền khởi kiện của đương sự không được bảo đảm thực hiện trên thực tế còn do sự thiếu hợp tác của cá nhân, cơ quan, tổ chức đang lưu giữ tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của đương sự. Về nguyên tắc, khi Tòa án nhận được đơn khởi kiện thì sẽ vào sổ nhận đơn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật thì người khởi kiện phải nộp kèm theo đơn khởi kiện các tài liệu chứng cứ ban đầu chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp. Nhưng có trường hợp đương sự không thể bổ sung, cung cấp được các tài liệu, chứng cứ này do cá nhân, cơ quan, tổ chức khác lưu giữ các tài liệu chứng cứ này không có thiện chí cung cấp cho đương sự. Trong khi đó, theo pháp luật hiện hành thì đương sự chỉ có quyền yêu cầu Tòa án can thiệp sau khi Tòa án đã thụ lý vụ án và đương sự phải xuất trình được cho Tòa án văn bản trả lời của cá nhân, cơ quan, tổ chức đó về lý do của việc không cung cấp chứng cứ, tài liệu cho đương sự. Thực tế này đã dẫn tới việc đương sự không thể thực hiện được quyền khởi kiện của mình, thậm chí mất quyền khởi kiện do thời hiệu khởi kiện đã hết. Thiết nghĩ, để khắc phục tình trạng này cần quy định cho đương sự có quyền yêu cầu Tòa án can thiệp ngay lập tức đối với việc từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ của cá nhân, cơ quan hữu quan đồng thời quy định chế tài cụ thể đối với cá nhân, cơ quan hữu quan nếu việc từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ không có lý do chính đáng nhằm nâng cao trách nhiệm của họ đối với việc bảo đảm thực hiện quyền khởi kiện cho nhân dân.

- Nhóm giải pháp đối với ngành Tòa án.

Qua công tác giải quyết các VADS tại Tòa án cho thấy sự lúng túng, sai sót, thiếu thống nhất trong việc thụ lý giải quyết các VADS là một trong những nguyên nhân dẫn tới quyền khởi kiện của đương sự không được đảm bảo thực

hiện trên thực tế. Tình trạng Tòa án trả lại đơn khởi kiện không có căn cứ pháp luật, chậm thụ lý vụ án khi đương sự đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện khởi kiện, xác định sai thẩm quyền giải quyết khiến vụ án bị hủy, giải quyết vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ...vẫn còn diễn ra phổ biến như đã nêu tại chương 2 khiến quyền khởi kiện của đương sự không được đảm bảo. Do vậy, ngành Tòa án cần thường xuyên tổ chức tập huấn chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác thụ lý VADS, kịp thời có những hướng dẫn cần thiết để giải quyết những bất cập nảy sinh trong thực tiễn. Đặc biệt cần chú trọng công tác tuyển dụng cán bộ, bổ nhiệm thẩm phán, lựa chọn những người có chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt làm công tác xét xử và giải quyết các VADS.

3.2.4. Các giải pháp khác

- Nâng cao hiệu quả của công tác kiểm sát việc thụ lý VADS của Viện kiểm sát nhân dân để hạn chế tối đa tình trạng thụ lý vụ án không đúng quy định, kéo dài thời gian xem xét, thụ lý đơn khởi kiện của Tòa án.

- Bổ sung quy định về cơ chế bổ nhiệm, chế độ đãi ngộ đối với Thẩm phán để đảm bảo sự độc lập, vô tư, khách quan của Thẩm phán trong quá trình giải quyết các VADS.

- Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho ngành Tòa án để công tác giải xét xử, giải quyết các VADS được tốt hơn.

KẾT LUẬN

Qua việc nghiên cứu các quy định của pháp luật TTDS Việt Nam hiện hành về khởi kiện VADS, chúng tôi đã đạt được những kết quả nhất định, thể hiện ở những điểm chính sau đây:

Chương 1 của luận văn đã tập trung phân tích, đưa ra một số khái niệm cơ bản về khởi kiện VADS trên cơ sở tham khảo, kế thừa và phát triển các khái niệm có liên quan của các nhà khoa học trước đó. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu đã làm rõ được khái niệm VADS, quyền khởi kiện và khởi kiện VADS, cơ sở và ý nghĩa của khởi kiện VADS, mối liên hệ giữa quyền khởi kiện và trách nhiệm thụ lý vụ án của Tòa án, góp phần thống nhất nhận thức trong việc nghiên

cứu chế định khởi kiện VADS theo quy định của pháp luật TTDS hiện hành. Đồng thời, luận văn còn tóm tắt lược sử hình thành và phát triển của các quy định pháp luật về khởi kiện VADS, nêu và phân tích quy định của pháp luật TTDS một số nước trên thế giới về khởi kiện VADS để có sự so sánh, đối chiếu với pháp luật Việt Nam về vấn đề này.

Trên cơ sở vận dụng kết quả nghiên cứu lý luận tại chương 1 để tiếp tục phân tích, làm rõ các quy định của BLTTDS hiện hành về vấn đề khởi kiện VADS, chương 2 của luận văn đã phân tích cụ thể các điều kiện khởi kiện và một số quy định có liên quan về khởi kiện VADS, đưa ra những bất hợp lý của các quy định này và một số vụ án minh họa về những thiếu sót, vướng mắc, bất cập trong thực tế áp dụng.

Trong thực tiễn áp dụng pháp luật, bên cạnh những thành tựu đạt được theo báo cáo tổng kết của ngành Tòa án, vẫn còn tình trạng kéo dài thời gian xem xét, giải quyết đơn khởi kiện, xác định không đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, trả lại đơn khởi kiện không có căn cứ pháp luật, xác định sai yêu cầu phản tố hoặc cố tình không chấp nhận đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dẫn đến không đảm bảo quyền khởi kiện của đương sự. Những hạn chế, vướng mắc nảy sinh trước hết là do các quy định của pháp luật chưa đầy đủ, rõ ràng, mặt khác còn có nguyên nhân từ sự thiếu hiểu biết của đương sự về các quy định của pháp luật, sự lúng túng, yếu kém về nghiệp vụ hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm của một số cán bộ, thẩm phán.

Để đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn, sự phát triển của các quan hệ xã hội và đặc biệt là sự bảo đảm thực hiện quyền khởi kiện của đương sự cần thiết phải có sự sửa đổi, bổ sung các quy định về khởi kiện VADS. Trên cơ sở nghiên cứu các vấn đề lý luận và các quy định của pháp luật thực định về khởi kiện VADS, kết quả khảo sát thực tiễn thực hiện các quy định này tại Tòa án, luận văn đã cố gắng đề xuất một số giải pháp tham khảo nhằm hoàn thiện pháp luật về khởi kiện VADS trong pháp luật TTDS Việt Nam.